TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/LĐ-ST
Ngày: 27-5-2019
V/v tranh chấp về bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tô Văn Nhung – Hiệu trưởng trường tiểu học An Bình;

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Hưu trí.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 02/2019/TLST-LĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-LĐ ngày 18/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-LĐ ngày 10/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trương Thành C, sinh năm 1977; thường trú: Tổ 1, khu phố K, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn P; trụ sở: Số 1191 Lê Đức Thọ, phường 13, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: khu phố T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bảo hiểm xã hội thị xã A, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu trung tâm hành chính thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Văn T, sinh năm 1988; chức vụ: Nhân viên bảo hiểm xã hội thị xã A là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 3 năm 2019), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 01 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Thành C trình bày:

Ông Trương Thành C vào làm việc tại công ty TNHH P (sau đây gọi tắt là công ty P) từ tháng 02/2014 và làm việc tại chi nhánh Công ty TNHH P, công việc là tài xế, địa điểm làm việc: khu phố T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Sau thời gian thử việc thì giữa ông C và Công ty P ký hợp đồng lao động có thời hạn, từ tháng 01/2016 hai bên tiếp tục ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, đến cuối tháng 01/2018 thì Công ty TNHH P thông báo là từ tháng 02/2018 ông C sẽ làm cho Công ty TNHH P Bình Dương mà không còn làm cho Công ty TNHH P nữa, tuy nhiên, Công ty P không ban hành quyết định thôi việc cho ông C. Vào ngày 01/02/2018 ông C ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P Bình Dương, ngày 22/9/2018 ông C đã nghỉ việc và Công ty TNHH P Bình Dương ban hành quyết định thôi việc cho ông C. Quá trình làm việc tại Công ty P, Công ty P đã tham gia bảo hiểm xã hội cho ông C và hàng tháng vẫn trích tiền lương của ông C nhưng không nộp vào Quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật. Thời gian trích đóng từ tháng 4/2014 đến tháng 01/2018. Hiện nay mặc dù đã nhiều lần ông C yêu cầu Công ty P chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông C nhưng công ty P vẫn không thực hiện. Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng ông Trương Thành C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH P phải chốt sổ bảo hiểm cho ông C từ tháng 01/2016 đến tháng 9/2018. Tuy nhiên, ngày 24/5/2019 ông Trương Thành C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đối với khoảng thời gian từ tháng 02/2018 đến tháng 9/2018 vì thời gian này ông C không còn làm việc tại Công ty P, mà ông C đã ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH P Bình Dương. Nay ông Trương Thành C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH P phải chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông C từ tháng 1/2016 đến tháng 01/2018 theo quy định của pháp luật.

- *Đối với bị đơn Công ty TNHH P*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức tống đạt trực tiếp và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của Công ty P có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của ông Trương Thành C nhưng Công ty P không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Vào ngày 05/4/2019, Tòa án triệu tập người đại diện theo pháp luật của Công ty P tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty P vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu người đại diện theo pháp luật của Công ty P tham gia phiên tòa vào ngày 10/5/2019 và ngày 27/5/2019 nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty P vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Tại văn bản tự khai ngày 11/3/2019, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thị xã A là anh Dương Văn T trình bày:* Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty P) có tham gia bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm thị xã A từ tháng 3/2011 tính đến tháng 02/2019 thì Công ty P còn nợ số tiền bảo hiểm là 4.181.479.752 đồng. Trong quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động, hàng tháng công ty P vẫn báo cáo danh sách người lao động có tham gia bảo hiểm, nhưng Công ty P không nộp tiền cho bảo hiểm xã hội thị xã A, nên khi ông C nghỉ việc tại Công ty thì bảo hiểm xã hội thị xã A chưa tiến hành thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội có xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm của ông Trương Thành C. Đối với yêu

cầu khởi kiện của ông C về việc yêu cầu Công ty P chốt sổ bảo hiểm cho ông C thì đề nghị Công ty P thanh toán số nợ tính riêng cho ông C đến tháng 01/2018 và làm hồ sơ bảo lưu bảo hiểm xã hội cho ông C gửi lên để bảo hiểm xã hội thị xã A làm thủ tục chốt sổ cho ông C theo đúng quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành và tuân theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Ngày 24/5/2019 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút. Đối với phần nguyên đơn ông Trương Thành C yêu cầu bị đơn Công ty TNHH P chốt sổ bảo hiểm xã hội cho từ tháng 1/2016 đến tháng 1/2018 là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Trương Thành C thì đây là vụ án tranh chấp về bảo hiểm xã hội quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn xác định lựa chọn Tòa án nơi tổ chức có chi nhánh và nơi nguyên đơn làm việc là phường B, thị xã A, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Trương Thành C và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trên.

[3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 24/5/2019 nguyên đơn ông Trương Thành C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đối với phần yêu cầu bị đơn Công ty P chốt sổ bảo hiểm từ tháng 02/2018 đến tháng 09/2018. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ Điều 235, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[4] Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của cơ quan bảo hiểm xã hội thị xã A và các chứng do nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp có cơ sở xác định: Nguyên đơn vào làm việc tại Công ty P từ tháng 02/2014. Giữa nguyên đơn và Công ty P có ký hợp đồng không xác định thời hạn. Quá trình làm việc nguyên đơn được Công ty P ký hợp đồng lao động và tham gia

bảo hiểm xã hội, hàng tháng Công ty P vẫn trích lương của nguyên đơn để tham gia bảo hiểm xã hội. Từ cuối tháng 01/2018 nguyên đơn không còn làm việc tại Công ty P nhưng Công ty P không xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn vì hiện nay Công ty P không thực hiện nộp tiền bảo hiểm xã hội cho người lao động về Quỹ bảo hiểm xã hội.

[5] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là trách nhiệm chung của người sử dụng lao động và người lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 và Khoản 2 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014. Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thị xã D xác nhận Công ty P có tham gia bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn tại Bảo hiểm xã hội thị xã D từ tháng 04/2014 đến tháng 01/2018, tuy nhiên do Công ty P hiện đang nợ tiền bảo hiểm xã hội nên chưa thể chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Như vậy việc Công ty P đã trừ lương của nguyên đơn hàng tháng nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn, không chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là vi phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 và là hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Khoản 2 và Khoản 3 Điều 47 Bộ Luật Lao động 2012 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D là phù hợp như những phân tích nêu trên.

[8] Về phần án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trương Thành C không phải chịu, bị đơn Công ty TNHH P phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 144, Khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 2 và Khoản 3 Điều 47 Bộ Luật Lao động 2012;

Căn cứ Khoản 1 Điều 19, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Trương Thành C về việc yêu cầu Công ty TNHH P xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2018 đến tháng 09/2018.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thành C đối với Công ty TNHH P về tranh chấp về bảo hiểm xã hội.

Buộc Công ty TNHH P phải xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông Trương Thành C từ tháng 01/2016 đến tháng 01/2018 theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Trương Thành C không phải chịu.

4. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt các đương sự.

5. Nguyên đơn ông Trương Thành C, bị đơn Công ty TNHH P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thị xã A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã D;
- CCTHA DS thị xã D;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Minh Châu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**